

Sơ lược về Hang toại đạo ở Roma

Thế kỷ XVI đánh dấu sự khởi đầu cho việc quan tâm đến hang toại đạo. Thánh Philipphe Neri, “vị tông đồ của Roma” thường xuyên lui tới hang toại đạo thánh Sebatiano để cầu nguyện. Cùng thời gian đó, tu sĩ dòng thánh Âu tinh Onofrio Panvinio bắt đầu những nghiên cứu khảo cổ và địa hình Roma. Năm 1568, ông xuất bản tài liệu về các nghĩa trang cổ. Tháng Sáu năm 1578, ghi nhận lần khai quật lớn đầu tiên về hang toại đạo. Sự việc xảy ra cách tình cờ khi một số nhân công đang làm việc lại một hố đào bên ngoài Cổng Salaria, phát hiện một nghĩa trang còn nguyên vẹn với nhiều tầng và hầm mộ cũng như vô số những bia khắc và bích hoạ. Cả Roma dường như bị cuốn hút bởi sự kiện này, các Hồng Y, các nhà khoa học nhanh chóng đến tìm hiểu. Trong số đó có Hồng Y Baronio, ngay lập tức nhìn nhận tầm quan trọng của sự kiện, Đức Thánh Cha Gregorio XIII cũng bày tỏ cùng quan điểm. Từ đây, bắt đầu quá trình tìm hiểu và viếng thăm các hang toại đạo mà trước đây dường như bị lãng quên¹.

Thuật ngữ "hang toại đạo" có nguồn gốc từ chữ *catacumbas* để chỉ một khu vực với nhiều hố đào trên đường Appia tại Roma vào thế kỷ thứ IV. *Catacumbas* trong tiếng Hy Lạp κατά κούβασ đều mang nghĩa "tại khu vực hố đào". Khởi đi từ thế kỷ thứ III, tại khu vực này đã xuất hiện một trong những nghĩa trang nổi tiếng nhất dưới lòng đất, nghĩa trang thánh Sebastiano, thường xuất hiện trong các sử liệu với tên *cymiterium catacumbas*.

Nguồn gốc²

Với những khám phá về hang toại đạo, tồn tại nhiều phỏng đoán về hang toại đạo như là nơi ẩn náu và sinh sống của các Kitô hữu đầu tiên trong thời kỳ bách hại. Huyền thoại ấy được thêm thắt tính khả thi ngang qua việc giải nghĩa không chính xác một vài dữ kiện lịch sử. Cụ thể là một vài đoạn trong *Liber Pontificalis* có bóng gió đến chuyện nướng náu của các Đức Thánh Cha "ở nghĩa trang". Điều này cần phải hiểu theo nghĩa rộng và ám chỉ sự hiện diện của ngài ở công xưởng trên mặt đất tại khu vực này (x. *Lib. Pont.*, I, tr. 161, 207, 227, 305-306). Một trường hợp khác là việc Giáo Hoàng Sisto II bị bách hại cùng các phó tế của ngài dưới thời hoàng đế Valeriano ngày 6 tháng Tám năm 258 tại khu vực *nghĩa trang* (x. *Cypr. Epist.*, 80).

Thực ra, hang toại đạo chỉ là nơi chôn cất và cử hành các nghi thức an táng của các cộng đoàn Kitô hữu đầu tiên. Như thế, về niên đại, cùng với các nghĩa trang trên mặt đất, hang toại đạo không thể có trước thế kỷ thứ II. Mốc thời gian này được kiểm chứng qua các dữ kiện lịch sử liên quan đến những nơi chôn cất tập thể dành riêng cho các cộng đoàn Kitô hữu. Tại Cartagine, Châu Phi, vào khoảng năm 203, thánh Tertulliano cho chứng từ về những *areae sepulturarum nostrarum*, khu vực chôn cất của chúng ta, bị giới dân ngoại mạnh mẽ phản đối (*Scap.*, 3, 1). Cũng từ thánh Tertulliano, trong *Apologeticum*, được viết vào khoảng năm 197, đề cập đến quỹ gọi là "quỹ chung", hình thành do nhu cầu cộng đoàn, do các thành viên đóng góp để đảm bảo chỗ chôn cất cho cả những thành viên nghèo nhất (Tert., *Apol.*, 39, 5-6). Tại Roma, cũng trong khoảng thời gian này, xuất hiện chứng từ về một khu vực chung gọi là κοιμητήριον³ thánh Callisto được Đức Thánh Cha Zefirino (198-217) trao cho phó tế (và Đức Thánh Cha tương lai) Callisto coi sóc (Hippol., *Philosoph.*, IX, 12). Đây là lần đầu tiên từ κοιμητήριον được đề cập đến để chỉ khu vực an táng của các cộng đoàn Kitô hữu.

¹ L. von Hertling - E. Kirschbaum, *Le catacomb romane e I loro martiri*, Roma 1949, 1-18. Cf. V. Fiochi Nicolai, *Le catacombe*, in *Il mondo dell'archeologia*, Roma 2000, II, 504.

² V. Fiochi Nicolai, *Le catacombe*, 504-507.

³ κοιμητήριον theo nghĩa đen là "nhà nghỉ/ngủ", hàm ý rằng cái chết đối với người Kitô hữu như là giấc ngủ/an nghỉ tạm thời trong khi chờ ngày phục sinh (Chrysost., *Coemet.*, 1).

Trong *Tradizione Apostolica*, thánh Ippolito khẳng định về tập tục quyên góp cho *coemeteria* hầu bảo đảm nơi an táng cho những ai nghèo nhất (*Trad. Apost.*, 40).

Thế kỷ thứ II đánh dấu sự tăng vọt về nhu cầu nơi an táng của cộng đoàn tín hữu. Nhiều lý do dẫn đến sự kiện này: số thành viên trong cộng đoàn tín hữu tăng (Hippol., *Philosoph.*, IX, 12); đẩy mạnh việc chuẩn bị nơi an táng trong tình trạng sẵn sàng (Tert., *Apol.*, 39, 1-2); nhu cầu về không gian cho việc cử hành các nghi thức an táng, cầu nguyện cho người quá cố (*Mart. Polycarpi*, 18, 2-3; *Cypr., Epist.*, 1, 2); từ lý do bác ái nhằm bảo đảm cho mọi người có nơi an táng (Tert., *Apol.*, 39, 5-6). Với việc không thể mở rộng diện tích trên mặt đất, tận dụng không gian dưới lòng đất là cách duy nhất có thể để đáp ứng việc chôn cất tín hữu trong cộng đoàn.

Ngoài các nghĩa trang chung cho cộng đoàn, vào thế kỷ thứ III, chứng kiến sự tồn tại những nơi an táng dành riêng cho cá nhân hay thành viên trong một gia đình. Trường hợp điển hình nhất là nơi gọi là "Area I di Callisto"⁴ được cai quản bởi chính các vị chức trách trong Giáo hội. Từ đó, xuất hiện việc một thành viên trong cộng đoàn hiến đất để làm nơi an táng, nghĩa trang thường được mang tên của người hiến (ở Roma, có các nghĩa trang như Domitilla, Priscilla, Commodilla, Pretestato, Trasona, Calepodio, Aproniano v.v.) và cho dù theo thời gian, nghĩa trang được mở rộng cho cộng đoàn, vẫn tồn tại những khu vực dành riêng cho việc an táng các thành viên gia đình hay chính vị ân nhân này.

Phân loại⁵

Đường vào hang toại đạo thường là một cầu thang dẫn xuống dưới lòng đất. Bên ngoài cửa vào có thể có tiền sảnh hay một công trình có kích thước lớn hơn. Tại chân cầu thang dưới lòng đất, một mạng lưới các địa đạo và phòng nhỏ⁶ được hình thành. Mạng lưới địa đạo, như quan sát được trong các hang toại đạo ở Roma, được phát triển theo hai dạng thức: "hình xương cá" và "hình vĩ nường". Ở dạng thứ nhất, một địa đạo chính chạy dọc và các hành lang phụ được hình thành vuông góc với địa đạo chính, tạo ra vô số các địa đạo ngang dọc khác. Dạng thứ hai gồm hai địa đạo chính chạy song song với khoảng cách nhất định, được nối kết với nhau ngang qua các hành lang phụ xếp vuông góc. Địa đạo thường có chiều cao 2-3m, rộng từ 80-1,5m. Một vài ngoại lệ như hang toại đạo thánh Gennaro ở Napoli hay thánh Gioan ở Siracusa, chiều rộng địa đạo lên tới 4-5m. Trần địa đạo thường bằng phẳng, một số ít có hình vòm, bề mặt được làm cho trơn phẳng.

Nơi an táng dành riêng kiểu cho các thành viên trong gia đình thường là phòng nhỏ⁷, trong sử liệu hay dùng tên gọi *cubiculum* (*Lib. Pont.*, I, p. 162), một dạng nhà nguyện nhỏ dùng cho việc an táng. Phòng dạng vuông nhưng từ thế kỷ thứ IV, xuất hiện phòng hình chữ nhật, dạng một mặt vòng cung, dạng đa giác, hình tròn v.v.

Hình thức mai táng phổ biến, cả trong địa đạo lẫn *cubiculum* là hộc an táng (*locus*), là một hộc hình thang, đào vào tường theo chiều ngang, các hộc chồng lên nhau theo chiều dọc, cách nhau một khoảng nhất định. Trong một hộc an táng, có thể có hơn một thi hài. Hộc an táng cho trẻ em thường được tận dụng ở những khoảng tường hẹp và ngắn hơn. Sau khi đặt thi hài vào trong, hộc an táng được đóng lại bằng một phiến đá cẩm thạch dùng trát vữa để gắn vào tường. Thay vì phiến đá, người ta còn dùng vôi vữa hay tấm ngói để bít kín miệng hộc.

⁴ Khu vực được trao cho phó tế Callisto coi sóc. Diện tích 75x30m, gồm hai hành lang song song, nối kết với một loạt các hành lang khác tạo nên một góc vuông. Các ngôi mộ được khoét vào tường, chồng lên nhau theo chiều thẳng đứng.

⁵ V. Flocchi Nicolai, *Le catacombe*, 507-509.

⁶ x. Hình 1.

⁷ x. Hình 2.

Gần học an táng thường thấy các vật dụng đặc trưng như đèn nhỏ, đồ gốm trang trí, kính màu, tiền đồng hay tư trang của người quá cố (bông tai, vòng, chuỗi hạt, v.v.), vỏ sò, đồ chơi trẻ em (búp-bê, chuông nhỏ). Những vật dụng này được dùng để đánh dấu mộ của người vô danh, hay đôi khi còn là biểu tượng của nghi lễ tiễn biệt (*refrigerium*), của ánh sáng, của sự quan phòng hay đơn thuần là để trang trí, dùng những vật dụng ưa thích đối với người đã khuất.

Kiểu chôn với hầm mộ đồ sộ hơn có hai loại: "mộ bàn tiệc" và lăng tẩm. Kiểu thứ nhất là hố chôn được đóng kín bằng một phiến đá nằm ngang (*mensa*: bàn), phía trên là hốc tường chạy dọc theo phần mộ. Lăng tẩm (*arcisolum*) là dạng lăng mộ phổ biến gồm dạng mộ "bàn tiệc", phía trên là hốc tường dạng vòm. Phần tường của hốc thường có những bức vẽ trang trí⁸.

Nghi thức an táng⁹

Nghi thức an táng, từ thời cổ đại, trong bối cảnh dân ngoại cũng như tín hữu Kitô, cho thấy một sự thống nhất nào đó giữa các nghi lễ và tập tục. Nghi lễ ấy diễn tả tâm thức chung về con người được nối kết với niềm tin xuất phát từ việc kiên định rằng cái chết không phải là kết thúc, không làm con người ra không. Nhưng người chết, dù thể lý không hiện hữu, vẫn tồn tại cách nào đó và như thế vẫn cần sự chăm sóc. Một mặt, tục lệ này thể hiện sự liên đới giữa người chết và những ai còn sống; mặt khác thể hiện tính tôn giáo, thậm chí việc tôn kính với hệ thống các nghi thức rõ ràng trải qua một lịch sử lâu dài.

Nghi thức đầu tiên là *funus* bao gồm việc tắm xác và thay áo mới; sau đó thi hài được đặt trên *feretrum*, một cái giường được trang hoàng; những người khác theo đoàn rước đưa người quá cố đến nơi an táng trong khi đọc thánh vịnh, hát và cầu nguyện. Nghi thức an táng Kitô giáo bao gồm thánh lễ và một bữa tiệc ngay tại phần mộ như là nghi thức cuối cùng của việc an táng. Sau đó là thời gian tưởng nhớ/khóc thương người quá cố vào ngày thứ ba, thứ bảy, thứ chín, thứ ba mươi hay bốn mươi. Việc này còn được lặp lại hàng năm, tưởng nhớ như *ngày sinh nhật trên trời (dies natalis)*.

Bữa tiệc tại phần mộ được những người thân và bạn bè tổ chức với hàm ý rằng người quá cố đang tham dự với họ. Tục lệ này nguyên thủy là một nghi thức tôn giáo; ngoài ra còn là nghĩa cử thể hiện tình liên đới và hiệp thông gia đình, mang tính xã hội sâu sắc. *Refrigerium* là thuật ngữ chỉ bữa tiệc này. Từ này có nghĩa "làm cho tươi tắn, khoẻ mạnh"; trong bối cảnh này, được hiểu như việc làm mới lại, cả về thể lý lẫn luân lý. Trong nhiều bia khắc trên mộ, từ này được dùng để cầu chúc người quá cố an nghỉ và vui hưởng hạnh phúc trên trời. Trên bia mộ của *Ianuarina* tại hang toại đạo thánh Callisto, có dòng chữ: *Ianuarina bene refrigera et roga pro nos*, cùng với đèn dầu¹⁰, biểu tượng cho *ánh sáng vĩnh cửu*; ngoài ra còn có bình gốm nhỏ và một cái ly, biểu tượng cho bữa tiệc (*refrigerium*).

Một thực hành khác liên quan đến nghi thức an táng là việc cúng viếng: cung cấp thức ăn, đồ uống cho người quá cố. Thánh Agostino cho chứng từ sống động về việc này khi kể rằng mẹ ngài, bà Monica khi đi viếng mộ ở Milan, theo tập tục phi châu, đã mang theo bột, bánh mì và rượu (*Confes.* VI, 2). Theo tập tục này, tại mộ phần, rượu được hoà với nước, người dâng cúng uống một phần, phần còn lại được dâng cúng cho người quá cố.

Phản ứng của Giáo hội công giáo về những thực hành này, thoạt đầu còn chấp thuận, chỉ hạn chế những thái quá hay sai lạc. Nhưng cho đến năm 385, Giám mục Ambrogio của Milan đã chính thức cấm các Kitô hữu tham dự bữa tiệc trong nghi thức an táng vì lý do mê tín và ngẫu tượng. Năm 397, trong một công đồng ở Cartagine, cấm các giám mục thực hành

⁸ Cf. F. Bisconti, *La decorazione delle catacombe romane*, in *Le catacombe cristiane di Roma*, 71-141.

⁹ M. Marione, *I riti funerari*, in *Christiana loca*, I, Roma 2000; I, 71-80.

¹⁰ x. Hình 3.

nghi thức này cho dù còn chấp nhận cho số ít giáo dân. Năm 401 lệnh cấm được ban bố trong toàn Giáo hội công giáo.

Hang toại đạo và việc tôn kính các thánh tử đạo

Nơi đặc biệt quan trọng trong hang toại đạo là mộ các vị tử đạo, nơi được giáo dân tôn kính và lui tới thường xuyên. Mộ các vị tử đạo¹¹ được trang trí với các bức họa, ốp đá cẩm thạch; gần mộ là các bàn hình tròn nhận lễ vật dâng cúng, bàn thờ để cử hành phụng vụ tưởng nhớ *ngày sinh nhật trên trời*. Ngoài ra, mộ được xây dựng thành một lăng tẩm với mái vòm bên trên bề mặt mộ, cột chống dường như tạo ra một chiếc lọng trang hoàng. Thêm vào đó là những bia khắc với nội dung long trọng, thuật lại những đức hạnh của vị tử đạo. Chẳng hạn trên bia mộ của Eusebio, Giám mục của Vercelli, có ghi rằng:

*Celestem nanctus sine sanguine martyr honorem
nam confessor obit, poenas non sponte lucratus,
acceptante Deo fidam pro sanguine mentem*¹².

Việc tôn kính các thánh tử đạo¹³ xuất phát từ việc coi các ngài là người đã mang nơi mình Đức Kitô chịu đau khổ. Quả vậy, từ "tử đạo" (μαρτυς) có nghĩa là "làm chứng". Các thánh tử đạo là những người đã làm chứng cho Đức Kitô bằng cả mạng sống của mình. Do vậy, các ngài trở thành những người trung gian chuyển cầu cho tín hữu¹⁴. Từ việc tôn kính các vị tử đạo, tín hữu thường xuyên cầu nguyện nhờ lời chuyển cầu của các vị ấy, hình thành trong cộng đoàn tín hữu mong muốn được an táng gần mộ các vị tử đạo (*ad sanctos*). Từ thế kỷ thứ VI, bắt đầu tồn tại nhu cầu dâng thánh lễ nơi đây. Cũng từ đó, các nhà nguyện và đền thờ cạnh mộ các vị tử đạo (*ad corpus*) được xây cất, thay thế cho các nơi dùng cho việc phụng tự dưới lòng đất. Công trình nhà nguyện mới được thiết kế sao cho bàn thờ chính ở ngay trên mộ vị tử đạo hầu tiện cho việc tôn kính và thăm viếng.

Hang toại đạo - những viếng thăm cuối cùng¹⁵

Đầu thế kỷ thứ V, hang toại đạo đã không còn là nơi an táng và tín hữu tới thăm viếng chủ yếu là các đền thờ kính thánh tử đạo. Tuy nhiên việc chôn cất vẫn còn tiếp tục nhưng chủ yếu nơi các lăng mộ dành riêng ở gần những nơi được tôn kính. Tại Roma, cuộc chiến xảy ra với người Gô-tích vào giữa thế kỷ VI, việc xâm lăng của quân Longobardi của Astolfo năm 756 và của Saraceni năm 846 đã tàn phá nghiêm trọng các hang toại đạo. Những nỗ lực cứu vãn và tu sửa của các Đức Thánh Cha Vigilio (537-555), Andriano I (722-795), Leone III (795-816) cũng không thể phục hồi nguyên vẹn tình trạng các hang toại đạo. Từ giữa thế kỷ VII, do không thể tiếp tục việc duy trì và tu sửa, người ta tiến hành di dời những di hài được tôn kính về các đền thờ bên trong thành phố. Một phần được thực hiện dưới thời Đức Thánh Cha Teodoro (642-649) và Leone II (682-683). Sau đó việc di dời được tiến hành có hệ thống và triệt để vào thời các Giáo Hoàng Phaolo I (756-767), Pasquale (817-824), Sergio II (844-847) và Leone IV (847-855).

Không còn thánh tích của các vị tử đạo, các đền thờ và hang toại đạo dần rơi vào quên lãng. Chỉ có một vài nơi được tìm tới bởi việc di dời thánh tích tử đạo (*Lib. Pont.*, II, tr. 161). Trải qua suốt thời Trung Cổ, các đền thờ nơi có vị tử đạo vẫn được giáo dân lui tới, nhưng

¹¹ V. Flocchi Nicolai, *Le catacombe*, 509.

¹² CSEL, XXX, 45-46. Cf. D. Mazzoleni, *La produzione epigrafica nelle catacombe romane*, in *Le catacombe cristiane di Roma*, 147-180.

¹³ P. Testini, *Archeologia Cristiana*, Bari 1980, 125-139.

¹⁴ Thánh Inhaxio Antiochia: "Εγὼ λόγος Θεοῦ" (*Thư gửi tín hữu Roma*, II, I); Tertulliano: "Christus in martyre est" (*De pudic.*, 22).

¹⁵ V. Flocchi Nicolai, *Le catacombe*, 509-510.

toàn bộ phần còn lại của hàng toại đạo bị lãng quên cho đến khi được "tái sinh" vào cuối thế kỷ XVI.

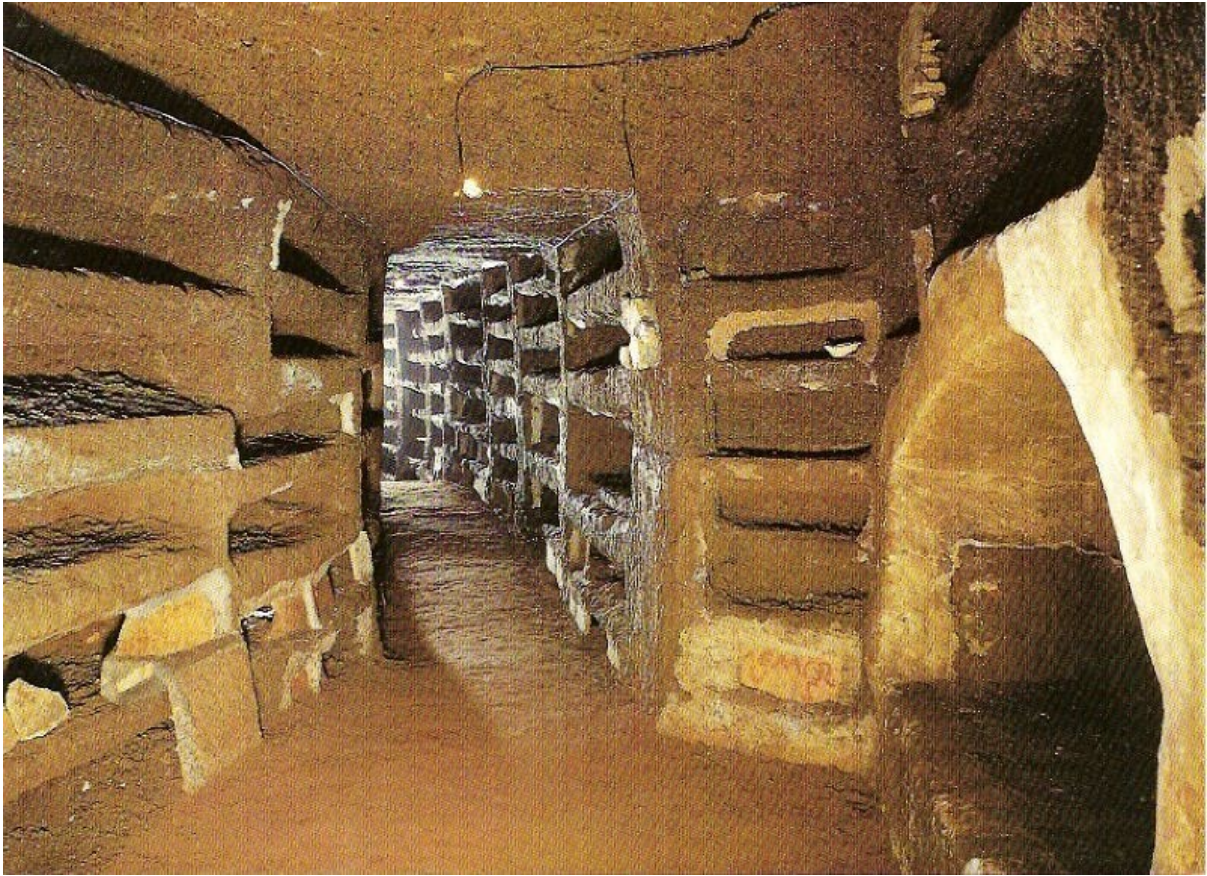
Thư mục

- FIOCCHI NICOLAI, V., *Le catacombe*, in *Il mondo dell'archeologia*, Roma 2000, II, 504-510.
- HERTLING, L. von - KIRSCHBAUM, E., *Le catacomb romane e I loro martiri*, Roma 1949, 1-18.
- MARIONE, M., *I riti funerari*, in *Christiana loca*, I, Roma 2000; I, 71-80.
- TESTINI, P., *Archeologia Cristiana*, Bari 1980, 125-139.
- _____, *The Christian catacombs in Rome*, Roma 1964.
- V.V. A.A., *Le catacombe cristiane di Roma: origini, sviluppo, apparati decorativi, documentazione epigrafica*, Regensburg 1998.

Thư mục tham khảo

- BARUFFA, A., *Giovanni Battista De Rossi, l'archeologo esploratore delle Catacombe*, Città del Vaticano 1994.
- BISCONTI, F., *Le pitture delle catacombe romane : restauri e interpretazioni*, Todi 2011.
- BOSIO, A., 1575-1629. – FIOCCHI NICOLAI, V., *Roma sotterranea*, Roma 1998.
- BOVINI, G., *Sant'Ippolito, dottore e martire de III secolo*, Collezione «Amici delle Catacombe» 015, Città del Vaticano 1943.
- DAVIS, R., *The book of Pontiffs : the ancient biographies of the first ninety Roman Bishops to AD 715*, Translated texts for historians Latin series 005, Liverpool 1989.
- DELLA PORTELLA, *Roma sotterranea*, I grandi libri, Venezia 1999.
- FERRUA, A., *Sigilli su calce nelle catacombe*, Sussidi allo studio delle antichità cristiane 008, Città del Vaticano 1986.
- HIPPOLYTUS ROMANUS, *Tradizione apostolica*, Patristica 037, Alba (CN) 1972.
- MANCINELLI, F., *Catacombs and basilicas : the early christians in Rome*, Firenze 1981.
- PERGOLA, P. – BARBINI, P.M., ed., *Le catacombe romane : storia e topografia*, Studi superiori NIS. Economia 355, Roma 1997.
- DE ROSSI, G.B., *La Roma sotterranea cristiana, descritta ed illustrata*, Roma 1864.
- RUTGERS, L.V., *Subterranean Rome : in search of the roots of christianity in the Catacombs of the Eternal City*, Leuven 2000.
- SEMINARI DI ARCHEOLOGIA CRISTIANA (2005 : ROMA) – al., *Origine delle catacombe romane : atti della giornata tematica dei Seminari di archeologia cristiana (Roma, 21 marzo 2005)*, Sussidi allo studio delle antichità cristiane 018, Città del Vaticano 2006.
- TESTINI, P., *The Christian catacombs in Rome*, Roma 1964.

Phụ lục



Hình 1. Mạng lưới địa đạo và phòng nhỏ (với các hộc an táng "*locus*")
(Hang toại đạo Priscilla, Roma)



Hình 2. Phòng nhỏ (*Cubiculum*)
(Hang toại đạo Commodilla, Roma)



Hình 3. Đèn dầu nhỏ